

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/DS-ST
Ngày: 13/5/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trần Thị Phiến

2. Trần Văn Triều;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-DS ngày 7 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 03 năm 2025 và Thông báo số 310/TB – TA ngày 28/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1);

Địa chỉ: Số B- B, N, Phường V, Quận C, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Trúc M - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch S – Ngân hàng Thương Mại cổ phần S – Chi nhánh Đ.

Bà Lương Trúc M ủy quyền cho bà Trần Thị Như P – Chức vụ: Chuyên viên kinh doanh thẻ - Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (gọi tắt Ngân hàng) có bà Trần Thị Như P đại diện trình bày:

Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đ - Phòng G có cho bà Nguyễn Thị Kim T vay vốn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1283999 ngày 12/06/2019 cụ thể hạn mức thẻ là 30.000.000đ thời hạn thẻ từ tháng 6/2019 đến tháng 6/2022; Lãi suất trong hạn tại thời điểm ký là 2.5%/tháng (thay đổi theo từng thời kỳ), biện pháp đảm bảo tiền vay: tín chấp.

Từ thời điểm nhận thẻ ngày 19/6/2019 đến tháng 4/2023, bà T thường xuyên trễ hạn thanh toán, Ngân hàng cũng nhắc nhở bà T có thực hiện nghĩa vụ trả nợ hàng tháng cho Ngân hàng. Bà T thực hiện trả nợ vào cuối kỳ vào ngày 22/4/2023 với số tiền là 1.500.000đ.

Ngày 01/6/2023, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù đã được Ngân hàng Đ1 và tại điều kiện về thời gian cho bà T trả nợ nhưng bà T vẫn không thanh toán khoản vay quá hạn.

Tính đến ngày 9/4/2024, bà T đã phát sinh giao dịch với tổng số tiền giao dịch là 69.600.000đ. Tổng phí lãi phát sinh là 56.186.878đ. bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 77.026.000đ, số tiền chưa thanh toán là 48.760.878đ. Trong đó nợ gốc 34.734.074đ. Tổng tiền lãi từ ngày thẻ chuyển nợ xấu 14.026.804đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 67.879.604 đồng trong đó tiền gốc 34.734.034 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 12/5/2025 là 33.145.530 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1283999 ngày 12/06/2019.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý đến khi hòa giải và xét xử, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà T vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án.

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tiền nợ gốc 67.879.604 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 12/05/2025 là 33.145.575 đồng. Đồng thời bà Nguyễn Thị Kim T phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/5/2025 cho đến khi trả xong nợ.

+ Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật cần giải quyết: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T trả tiền vốn vay và lãi phát sinh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Hiện bà T có đăng ký thường trú tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên theo điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành có thẩm quyền giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Kim T được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điều 227, xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng, Hội đồng xét thấy như sau:

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1283999 ngày 12/06/2019, bị đơn được nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức: 30.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, tạm tính đến ngày khởi kiện 9/4/2024 bà T đã thực hiện giao dịch 11 lần số tiền 69.600.000đ. Tổng phí lãi phát sinh là 56.186.878đ. bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 77.026.000đ, số tiền chưa thanh toán là 48.760.878đ. Trong đó nợ gốc 34.734.074đ. Tổng tiền lãi từ ngày thẻ chuyển nợ xấu 14.026.804đ. Sau đó bà T đã không trả vốn gốc và lãi cho Ngân hàng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà T trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/5/2025 là 67.879.604 đồng, trong đó tiền gốc là 34.734.074 đồng; lãi quá hạn là 33.145.530 đồng, ngoài ra yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/05/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ vào Bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng cho thấy kể từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22/4/2023 chị T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.500.000 đồng thì ngưng.

Kể từ ngày 22/5/2023 đến nay, chị T không thanh toán thêm khoản tiền gốc nào cho ngân hàng. Mặc dù đã được ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc nhưng chị T vẫn không có thiện chí trả nợ. Vậy nên, chị T đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng tín dụng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng 22/7/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Căn cứ Điều 26 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S2 có hiệu lực từ ngày 04/01/2018 quy định: *“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. Nếu chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với Đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, Đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của chủ thẻ tại Đơn vị phát hành thẻ. Đồng thời, Trường*

hợp chủ thẻ có bất kỳ khoản nợ nào khác tại S và/hoặc tại bất cứ tổ chức tín dụng nào khác phát sinh quá hạn, toàn bộ Dư nợ của chủ thẻ theo hợp đồng này cũng được xem là quá hạn và chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ”.

Vì vậy, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn làm nợ gốc là có cơ sở phù hợp với quy định của ngân hàng

Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “...*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật...*”.

Kể từ ngày 22/05/2023 đến nay, chị T không thanh toán thêm khoản tiền gốc nào cho ngân hàng nữa. Mặc dù đã được ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc. Vậy nên, chị T đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng tín dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu chị T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 34.734.074 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi: quá hạn

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “...*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...*”

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã được ký kết, các bên không có thỏa thuận lãi quá hạn trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên Căn cứ vào Khoản 1.27 Điều 1 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 04/01/2018 có quy định như sau: “lãi suất trong hạn là lãi suất được tính theo biểu phí lãi suất do S1 công bố trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn”. Đối chiếu qui định nêu trên thì yêu cầu trả lãi trong hạn và lãi quá hạn số tiền 33.145.530đ là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng nên bà T phải chịu án phí theo quy định.

[3] Qua nội dung phân tích trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 92, các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc 34.734.074 đồng (Ba mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng) và tiền lãi 33.145.530 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi đồng) (tạm tính đến ngày 12/5/2025). Đồng thời bà T tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/5/2025 với mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 3.394.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.219.000đ theo biên lai thu số 0013623 ngày 17/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Loan